

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

C. Hanh

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22825812] - Thực tập trang bị điện
(CCQ2215CD)

CBGD: Nguyễn Thị Hạnh (280025)

Số SV có mặt: 20.

Số bài thi: ...20....

Số tờ giấy thi: 20..

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150078	Lương Văn Bình	24/10/2004	CCQ2215C		Bình	6.0	6.0	6.0
2	2122150090	Nguyễn Văn Chương	17/04/2004	CCQ2215C		Chương	7.7	6.0	6.7
3	2122150080	Nguyễn Duy Cường	21/04/2004	CCQ2215C		Cường	6.0	7.0	6.6
4	2122150049	Nguyễn Quốc Đạt	25/04/2004	CCQ2215C		Dat	7.0	7.0	7.0
5	2122150068	Ngô Thanh Diệu	14/08/2004	CCQ2215C		Diệu	7.0	5.0	5.8
6	2122150077	Nguyễn Duy Đông	15/07/2004	CCQ2215C		Đông	7.0	6.0	6.4
7	2122150052	Trần Minh Dương	20/04/2004	CCQ2215C		Dương	5.7	7.0	6.5
8	2122150065	Nguyễn Ngọc Hải	28/12/2004	CCQ2215C		Hải	8.0	8.0	8.0
9	2122050080	Trương Văn Hào	27/04/2002	CCQ2205C		Hào	2.0	0	0.8
10	2122150057	Huỳnh Huy Hùng	17/08/2004	CCQ2215C		Hùng	5.7	6.0	5.9
11	2122150061	Phạm Văn Hùng	25/08/2004	CCQ2215C		Hùng	5.0	5.0	5.0
12	2122150054	Đặng Quang Huy	08/04/2003	CCQ2215C		Huy	7.3	6.0	6.5
13	2122150060	Nguyễn Quang Huy	07/10/2004	CCQ2215C		Huy	4.7	6.5	5.8
14	2122150045	Nguyễn Tấn Huy	24/01/2004	CCQ2215C		Huy	5.3	5.0	5.1
15	2122150074	Trần Quang Huy	27/08/2004	CCQ2215C		Huy	5.7	7.0	6.5
16	2120050115	Trương Duy Khánh	13/06/2002	CCQ2005D		Khánh	6.0	6.0	6.0
17	2122150063	Trương Gia Kiện	22/01/2004	CCQ2215C		Kiến	6.3	6.0	6.1
18	2122150044	La Ngọc Lễ	29/08/2004	CCQ2215C		Lễ	5.7	7.0	6.5
19	2122050148	Nguyễn Minh Phúc	14/07/2004	CCQ2205C		Phúc	6.0	5.0	5.4
20	2122050103	Trần Anh Vũ	08/05/2004	CCQ2205D		Vũ	6.7	6.5	6.6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22825816] - Thực tập trang bị điện
(CCQ2205C,D)

CBGD: Nguyễn Thị Hạnh (280025)

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20..

Số tờ giấy thi: 20

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050070	Thiên Đại Anh	11/08/2004	CCQ2205C		Xu	7.0	6.5	6.7
2	2122050151	Lê Quý Cầu		CCQ2205C		Cau	7.7	5.0	6.1
3	2122050082	Đoàn Đông Cơ	16/06/2004	CCQ2205C		.cb	0.7	0.0	0.3
4	2122050087	Lê Việt Đông	17/02/2004	CCQ2205C		ĐV	8.3	8.0	8.1
5	2122050142	Dương Văn Dũng	15/12/2001	CCQ2205C		DV	7.0	6.5	6.9
6	2122180005	Đoàn Tất Giáp	01/08/2004	CCQ2205C		CĐP	6.3	0	2.5
7	2122050139	Võ Văn Hùng	23/01/2004	CCQ2205C		Hùng	5.0	5.0	5.4
8	2122050077	Nguyễn Công Hưng	12/12/2004	CCQ2205C		Hưng	7.0	7.0	7.0
9	2122050140	Phạm Đình Kha	20/01/2004	CCQ2205C		Pha	1.0	0	0.4
10	2122050086	Trần Đăng Khoa	01/01/2004	CCQ2205C		Pha	7.0	6.0	6.4
11	2122050102	Nguyễn Tấn Khôi	01/02/2004	CCQ2205C		Khôi	1.0	0	0.4
12	2122050092	Trần Hiếu Kỳ	07/12/2004	CCQ2205C		Ky	6.0	6.0	6.0
13	2122050071	Nguyễn Công Lập	02/09/2004	CCQ2205C		Lập	6.0	6.5	6.3
14	2122050094	Nguyễn Văn Minh	02/10/2004	CCQ2205C		Minh	7.3	6.0	6.5
15	2122050099	Trương Công Nghĩa	14/04/2004	CCQ2205C		Nghĩa	5.3	6.0	6.1
16	2122050075	Nguyễn Đình Ngọc	12/10/2003	CCQ2205C		Ngọc	7.0	5.0	5.8
17	2122050076	Lương Văn Nhân	20/02/2004	CCQ2205C		Nhan	6.3	5.0	5.5
18	2122140060	Mai Quốc Nhật	02/02/2004	CCQ2205C		Nhật	6.0	5.0	5.4
19	2122050097	Nguyễn Minh Khánh	26/09/2003	CCQ2205C		Khánh	5.6	0	2.2
20	2121060026	Nguyễn Xuân Phú	10/08/2003	CCQ2105A		Phu	8.0	7.0	7.4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22825817] - Thực tập trang bị điện
(CCQ2205A,B)

CBGD: Nguyễn Thị Hạnh (280025)

Số SV có mặt: ... 20
Số bài thi: 20
Số tờ giấy thi: ... 20

Handwritten signatures and initials:
Hau, N.T.Hanh, N.T.Hanh, N.T.Hanh, N.T.Hanh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050050	Lê Đình Trường An	02/09/2004	CCQ2205B		<i>An</i>	8.0	6.0	6.8
2	2122050060	Thái Quyền Anh	24/02/2004	CCQ2205B		<i>Anh</i>	2.0	0	0.8
3	2122050047	Nguyễn Tấn Chiến	25/06/2004	CCQ2205B		<i>Chiến</i>	1.0	0	0.8
4	2122050043	Đặng Quốc Cường	18/03/2004	CCQ2205B		<i>Cuong</i>	2.0	5.0	6.1
5	2122050038	Phạm Thanh Diễn	05/05/2004	CCQ2205B		<i>Diễn</i>	6.0	5.0	5.4
6	2122050062	Nguyễn Trung Đức	16/01/2003	CCQ2205B		<i>Đức</i>	5.0	5.0	5.3
7	2122050012	Huỳnh Ngô Phước Hải	26/03/2004	CCQ2205A		<i>Hai</i>	1.0	0	0.7
8	2121050056	Nguyễn Hoài Linh	09/07/2003	CCQ2105B		<i>HL</i>	2.0	6.0	6.8
9	2122050015	Trương Đắc Ngọc	17/09/2004	CCQ2205A		<i>ngoc</i>	5.0	5.0	5.3
10	2122050031	Đào Minh Nhật	31/01/2004	CCQ2205A		<i>Nhật</i>	2.0	8.0	7.7
11	2122050003	Nguyễn Minh Nhật	06/01/2004	CCQ2205A		<i>Nhật</i>	1.0	0	0.5
12	2121050009	Nguyễn Trung Phi	18/03/2003	CCQ2105A		<i>Phi</i>	2.0	2.0	2.1
13	2122050018	Trương Tấn Tài	02/01/2004	CCQ2205A		<i>Tai</i>	2.0	5.0	5.9
14	2122050027	Nguyễn Thành Thái	13/04/2004	CCQ2205A		<i>Thai</i>	8.0	2.5	7.8
15	2122050030	Khê Như Thuần	13/09/2004	CCQ2205A		<i>Thuần</i>	5.0	5.0	5.3
16	2122050021	Phạm Văn Thiện Thuật	19/01/2001	CCQ2205A		<i>Thuật</i>	2.0	6.0	6.8
17	2122050035	Đào Phú Minh Trịnh	11/04/2004	CCQ2205A		<i>Trinh</i>	2.0	5.0	6.1
18	2122050025	Đặng Minh Trực	07/01/2004	CCQ2205A		<i>Truc</i>	2.0	6.0	6.4
19	2122140015	Ngô Hoàng Việt	07/07/2004	CCQ2205A		<i>Viet</i>	2.0	5.0	5.9
20	2122050010	Nguyễn Quốc Việt	17/05/2004	CCQ2205A		<i>Viet</i>	6.0	5.0	5.8